

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2026
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Hòa.

Ông Lâm Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L, sinh ngày 13/08/2004.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094304009895.

- Bị đơn: Anh Trần Thái T, sinh ngày 01/02/1994.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 094094005345.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 03 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên trước đây, chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T quen nhau có làm lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 21 tháng 07 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành Phố Cần Thơ).

Sau khi kết hôn, chị L và anh Trần Thái T chung sống với nhau thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên cuộc sống giữa chị L và anh T không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

Về con chung: Chị L và anh T chung sống với nhau được 01 người con chung, hiện nay chị L và anh T đã làm giấy khai sinh cho con, con chung là cháu Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023. Hiện nay, cháu B đang chung sống ổn định cùng chị L từ thời gian năm 2024 đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị Huỳnh Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thái T.

- Về con chung: Hiện cháu Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023 đang sống ổn định cùng chị Huỳnh Thị L, do vậy sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B cho đến tuổi thành niên, chị L không yêu cầu anh Trần Thái T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 4 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thái T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như nguyên đơn trình bày. Trước yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L, anh T có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị Huỳnh Thị L.

- Về con chung: Anh T không đồng ý giao cháu Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023 đến tuổi thành niên, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T hiện đang làm ruộng và làm thuê mướn, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng nên đảm bảo việc nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên

đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T có một người con chung tên Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023. Hiện nay, cháu B đang sống chung với chị L, chị L có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B đến tuổi thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh T mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Huỳnh Thị L khởi kiện thì anh Trần Thái T; cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị L đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị L và bị đơn anh Trần Thái T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị Huỳnh Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và anh Trần Thái Thanh vắng M không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L, sinh ngày 13/8/2004 và anh Trần Thái T, sinh ngày 01/02/1994 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/2023 ngày 21 tháng 7 năm 2023 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Huỳnh Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị L và anh T hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Chị L và anh T không còn sống chung với nhau thời gian dài và đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh T trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L và anh T đều tự nguyện ly hôn nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị L.

[5] Về con chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T có một người con chung tên Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023. Chị L và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị L và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu B đang sống chung với chị L, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và nhằm để cho cháu B ổn định, tránh bị xáo trộn về cuộc sống. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 2 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Trần Thái T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Huỳnh Thị L.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tại Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình quy định: “... 3. *Trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định); về quan hệ tài sản thì mức án phí mỗi bên phải chịu tương ứng với giá trị phần tài sản mà mỗi bên được chia theo quy định của pháp luật về án phí*”. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh T tự nguyện ly hôn với chị L nhưng không thống nhất với chị L về việc nuôi con chung. Do đó, chị L và anh T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn với số tiền là 75.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Huỳnh Thái B, sinh ngày 14/03/2023 cho chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Trần Thái T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Huỳnh Thị L.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị L và anh Trần Thái T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn với số tiền 75.000 đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm của chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005609 ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, chị Huỳnh Thị L được hoàn lại số tiền chênh lệch 225.000 đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- UBND xã T, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn